

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

và

Các Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho
năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 42

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/GPHĐKD, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty và công ty con là 250.516.970.757 đồng Việt Nam (năm 2007: 864.175.967.239 đồng Việt Nam).

Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 bằng tiền với tổng trị giá là 270.133.342.000 đồng Việt Nam và tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá là 134.918.440.000 đồng Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo CV số 05/2009/CV-SSIHO của SSI gửi cho SGDCK TP.HCM, công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30/01/2009 và thực hiện trả lãi trong năm 2009 cho 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 và 2.222.240 trái phiếu mã SSICB0306.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0206 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên SGDCK TP.HCM nên SGDCK TP.HCM sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Tastsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
		miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Diễm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2000

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60755007/13534908

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) và công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) được trình bày từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
100	A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		2.832.440.630.345	6.228.570.268.479
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.610.984.422.667	2.142.293.074.621
111	1. Tiền mặt tại quỹ		374.521.673	3.912.762.167
112	2. Tiền gửi ngân hàng	IV.1	842.738.742.441	764.774.064.856
113	3. Tiền đang chuyển		-	-
114	4. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	IV.2	724.920.960.417	1.264.663.878.109
115	5. Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		-	-
116	6. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		-	9.171.090
117	7. Tiền gửi của người ủy thác đầu tư	IV.3	42.950.198.136	108.933.198.399
120	II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		860.476.309.199	2.667.950.986.648
121	1. Chứng khoán tự doanh	IV.4	473.781.503.876	442.806.592.198
122	2. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	IV.5	337.554.350.207	256.025.510.000
123	3. Đầu tư ngắn hạn	IV.6	74.843.750.000	2.030.000.000.000
125	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	IV.4	(25.703.294.884)	(60.881.115.550)
130	III. Các khoản phải thu		355.711.966.416	1.394.305.183.283
132	1. Phải thu của nhà đầu tư	IV.7	265.213.100.150	478.922.625.405
133	2. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	IV.8	76.713.446.229	59.353.993.999
134	3. Ứng trước cho người bán	IV.9	5.147.469.367	821.005.893.754
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
136	5. Phải thu nội bộ		-	-
137	6. Phải thu khác	IV.10	8.637.950.670	35.022.670.125
150	IV. Tài sản lưu động khác		5.267.932.063	24.021.023.927
151	1. Tạm ứng		2.186.226.208	3.488.228.757
152	2. Chi phí trả trước	IV.11	2.683.705.855	1.975.817.170
153	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
156	4. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	IV.12	398.000.000	18.556.978.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
200	B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		2.788.437.724.253	3.133.064.052.625
210	I. Tài sản cố định		162.829.348.745	110.188.258.246
211	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.13	38.148.347.944	37.713.517.861
212	Nguyên giá		58.908.243.932	46.420.364.133
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.759.895.988)	(8.706.846.272)
214	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
215	Nguyên giá		-	-
216	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
217	3. Tài sản cố định vô hình	IV.13	124.681.000.801	72.474.740.385
218	Nguyên giá		129.657.400.085	73.909.449.800
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.976.399.284)	(1.434.709.415)
220	II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		2.606.084.826.421	3.004.568.928.277
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán	IV.14	2.312.115.299.038	2.435.931.642.759
222	2. Đầu tư vào các công ty liên kết	IV.15	453.067.080.821	487.132.135.518
223	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn của người ủy thác đầu tư		-	-
224	4. Đầu tư dài hạn khác	IV.16	131.393.890.000	81.505.150.000
227	5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		(290.491.443.438)	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	IV. Tài sản dài hạn khác		19.523.549.087	18.306.866.102
241	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	IV.17	6.497.060.132	6.020.644.132
242	2. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán		6.140.770.930	1.513.947.613
243	3. Tài sản dài hạn khác	IV.18	6.885.718.025	10.772.274.357
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.620.878.354.598	9.361.634.321.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1.723.975.051.271	5.305.102.368.435
310	I. Nợ ngắn hạn		942.287.468.735	4.345.155.973.536
311	1. Vay ngắn hạn	IV.19	110.000.000.000	2.550.000.000.000
312	2. Vay dài hạn đến hạn trả	IV.20	-	100.000.000.000
315	3. Phải trả trung tâm GDCK		-	-
318	4. Phải trả người bán	IV.21	12.014.849.236	101.854.078.499
319	5. Người mua ứng trước	IV.22	1.918.777.500	130.890.514.414
320	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.893.987.130	6.789.658.503
	Trong đó:			
	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.267.989.130	6.264.928.503
	Phải trả cổ tức cho cổ đông		1.625.998.000	524.730.000
323	7. Thuế và các khoản phải trả khác	IV.23	31.480.687.718	90.521.897.526
324	8. Phải trả nhân viên		13.750.000	34.110.726
325	9. Chi phí phải trả	IV.24	59.774.383.499	111.484.227.628
327	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	IV.25	534.991.600	12.713.535.200
328	11. Phải trả, phải nộp khác	VI. 26	5.471.983.261	4.143.702.869
332	12. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	IV.27	718.184.058.791	1.236.724.248.171
340	II. Nợ dài hạn		781.687.582.536	959.946.394.899
341	1. Vay dài hạn		-	-
342	2. Nợ dài hạn	IV.28	388.892.000.000	555.560.000.000
344	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		348.551.500	1.099.226.500
345	4. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	IV.29	392.447.031.036	403.287.168.399
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.896.903.303.327	4.056.531.952.669
410	I. Vốn góp ban đầu	IV.30	1.366.666.710.000	1.199.998.710.000
412	1. Vốn góp cổ phần		1.366.666.710.000	1.199.998.710.000
420	II. Vốn bổ sung	IV.31	1.996.057.965.000	1.995.777.965.000
421	1. Thặng dư vốn cổ phần		1.996.057.965.000	1.995.777.965.000
430	III. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		622.385.275.058	860.755.277.669
431	1. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-
432	2. Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ	IV.31	115.064.783.174	28.647.186.451
438	3. Lợi nhuận chưa phân phối	IV.30	423.185.498.706	824.260.834.258
439	4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	IV.31	84.134.993.178	7.847.256.960
440	IV. Vốn điều chỉnh		(88.206.646.731)	-
443	1. Giá trị thuần của chứng khoán ngân quỹ		(88.206.646.731)	-
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.620.878.354.598	9.361.634.321.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
6. Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		6.220.417.920.000	4.535.411.100.000
6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước		5.240.634.400.000	3.866.326.750.000
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước		1.324.951.350.000	1.576.434.200.000
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		3.915.683.050.000	2.289.892.550.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên trong nước		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của công ty thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người ủy thác đầu tư		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước		979.783.520.000	669.084.350.000
- Chứng khoán cầm cố của công ty thành viên trong nước		-	289.842.260.000
- Chứng khoán cầm cố của người đầu tư thành viên trong nước		979.783.520.000	379.242.090.000
- Chứng khoán cầm cố của người ủy thác đầu tư		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ của thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của công ty thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người ủy thác đầu tư		-	-
7. Chứng khoán lưu ký thành viên nước ngoài		873.856.250.000	241.345.260.000
7.1 Chứng khoán giao dịch thành viên nước ngoài		873.856.250.000	241.345.260.000
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên nước ngoài		-	69.886.850.000
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên nước ngoài		873.856.250.000	171.458.410.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên nước ngoài		-	-

Hoàng Thị Minh Thủy
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

PHẦN I: LÃI - LỖ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.32	1.136.591.542.494	1.244.118.458.505
	Trong đó:			
02	- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		115.751.810.479	250.374.692.239
03	- Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán		453.734.142.155	695.396.145.555
04	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		44.561.548.222	32.621.939.182
05	- Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán		8.646.285.660	51.620.852.881
06	- Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư		9.456.472.056	23.303.341.001
07	- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư		5.413.832.090	5.480.963.894
08	- Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước		327.409.888.209	-
09	- Doanh thu về vốn kinh doanh		171.335.482.523	185.320.523.753
10	- Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin		282.081.100	-
11	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	IV.32	(600.181.818)	(287.197.790)
12	3. Doanh thu thuần	IV.32	1.135.991.360.676	1.243.831.260.715
13	4. Thu lãi đầu tư	IV.33	246.052.674.210	108.616.170.255
14	5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		1.382.044.034.886	1.352.447.430.970
15	6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.34	(1.072.329.837.940)	(392.278.336.766)
20	7. Lợi nhuận gộp		309.714.196.946	960.169.094.204
30	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(761.877.233)	(1.096.828.631)
40	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		308.952.319.713	959.072.265.573
41	- Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	IV. 35	25.267.192.151	458.789.183
42	- Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	IV. 35	(22.335.211.375)	(145.647.903)
50	10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		2.931.980.776	313.141.280
51	11. Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết		(34.065.054.697)	2.132.135.518
60	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		277.819.245.792	961.517.542.371
61	13. Lợi nhuận tính thuế		206.537.975.910	957.715.919.057
70	14. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	IV.23	(27.302.275.035)	(97.341.575.132)
80	15. Lợi nhuận sau thuế		250.516.970.757	864.175.967.239
90	16. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	V.1	1.868	8.378

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>		<i>Mã số</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
I	Thuế	10	90.521.897.526	81.471.465.723	(140.512.675.531)	31.480.687.718
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11	105.052.660	2.526.616.634	(2.608.087.105)	23.582.189
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	13	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	75.156.970.643	27.425.202.621	(97.198.348.134)	5.383.825.130
5	Thuế nhà đất	15	-	34.427.600	(34.427.600)	-
6	Tiền thuê đất	16	-	-	-	-
7	Các loại thuế khác	17	15.259.874.223	51.485.218.868	(40.671.812.692)	26.073.280.399
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>14.602.959.483</i>	<i>28.391.381.118</i>	<i>(18.358.035.114)</i>	<i>24.636.305.487</i>
	<i>Thuế môn bài</i>		<i>-</i>	<i>15.500.000</i>	<i>(15.500.000)</i>	<i>-</i>
	<i>Thuế chuyển nhượng chứng khoán</i>		<i>564.517.826</i>	<i>22.723.149.159</i>	<i>(21.850.976.793)</i>	<i>1.436.690.192</i>
	<i>Thuế khác</i>		<i>92.396.914</i>	<i>355.188.591</i>	<i>(447.300.785)</i>	<i>284.720</i>
II	Các khoản phải nộp khác	18	-	-	-	-
1	Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-
2	Các khoản phải nộp khác	20	-	-	-	-
			<u>90.521.897.526</u>	<u>81.471.465.723</u>	<u>(140.512.675.531)</u>	<u>31.480.687.718</u>

(*): Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm 27.302.275.035 đồng EIT hiện hành cho năm 2008 và 122.927.586 đồng EIT phải nộp bổ sung cho năm trước.

Hoàng Thị Minh Thủy
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
Lợi nhuận trước thuế		277.819.245.792	961.517.542.371
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	IV.13	16.219.270.853	7.144.328.775
Các khoản lập dự phòng	IV.4, IV14	255.313.622.772	58.253.905.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	IV.23	(97.198.348.134)	(82.469.143.849)
Cổ tức, lãi chia đã trả	IV.30	(403.425.784.000)	(49.999.800.000)
Tiền thực chi quỹ khen thưởng phúc lợi	IV.30	(72.633.003.730)	(41.024.161.020)
Lãi lỗ thanh lý TSCĐ		(2.443.902.854)	167.849.153
Lãi lỗ khác		(145.164.783.900)	(39.547.502.747)
Thu lãi đầu tư		(261.711.932.532)	(156.996.263.537)
Chi phí lãi vay		82.482.093.935	119.580.896.308
(Lãi)/lỗ từ góp vốn liên kết		34.065.054.697	(2.132.135.518)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(171.513.683.201)	814.043.018.233
(Tăng)/giảm các khoản phải thu		264.503.924.223	(398.689.121.605)
(Tăng)/ giảm chứng khoán tự doanh		(184.902.395.061)	436.588.511.065
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		(687.617.539.965)	201.740.562.385
(Tăng)/ giảm Các khoản chi phí trả trước		3.178.667.647	(10.356.994.086)
(Tăng)/ giảm các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		16.962.562.000	18.160.224.274
Tăng các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược		-	1.099.226.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(759.388.464.357)	1.062.585.426.766
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền mua TSCĐ		(45.263.608.399)	(156.269.891.875)
Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ		23.931.083.029	-
Tiền đầu tư vào công ty liên kết		-	(485.000.000.000)
Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(608.734.128.364)	(4.315.012.891.652)
Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		3.339.687.008.868	-
Thu lãi đầu tư		281.501.532.043	99.286.773.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.991.121.887.177	(4.856.996.010.510)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		-	2.085.227.955.000
Chi mua cổ phiếu quỹ	IV.30	(88.206.646.731)	-
Tiền vay		85.000.000.000	3.208.560.000.000
<i>Tiền vay</i>		85.000.000.000	3.153.000.000.000
<i>Phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>		-	55.560.000.000
Tiền trả nợ vay		(2.625.000.000.000)	(752.000.000.000)
Trả lãi tiền vay		(135.115.428.043)	(20.153.979.960)
Tăng khác liên quan đến vốn chủ sở hữu	IV.30	280.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.763.042.074.774)	4.521.633.975.040
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(531.308.651.954)	727.223.391.296
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	IV.1,2	2.142.293.074.621	1.415.069.683.325
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	IV.1,2	1.610.984.422.667	2.142.293.074.621

Hoàng Thị Minh Thủy
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động

Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 03/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.366.666.710.000 đồng Việt nam.

Trong năm 2008, Công ty có các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

<u>Vốn tăng thêm (đồng Việt Nam)</u>	<u>Được phê duyệt theo</u>	<u>Ngày</u>
166.668.000.000	Giấy phép số 123/UBCK-GPDCCTCK	16 tháng 4 năm 2008

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2008 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Tastsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Ngô Văn Diễm	Ủy viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
		Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2000

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu và một (01) chi nhánh tại Hải Phòng.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) công ty con như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Được thành lập theo</i>	<i>Ngành hoạt động</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng Việt Nam	100%

Quỹ Tầm nhìn SSI

Trong năm 2007, Công ty cũng đã đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc tại Công ty và công ty con đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 395 người (năm 2007 là 398).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. *Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo Công văn 15040/BTC-CDKT của Bộ Tài chính, Công ty vẫn được tiếp tục lập báo cáo tài chính quý 4/2008 và báo cáo tài chính năm 2008 theo mẫu quy định tại Quyết định 99/2000/QĐ-BTC. Công ty sẽ thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

3. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4. *Cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ báo cáo với Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4. *Cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính* (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty con (trình bày trong thuyết minh số I) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Công ty có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

5. *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

8. *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm	3 – 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

9. *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

10 Đầu tư vào chứng khoán

10.1 Chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

10.2 Dự phòng chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

11. Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

12. Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp này, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và giá trị hiện tại của khoản đầu tư có thể tăng hoặc giảm phản ánh phần chia sẻ của Công ty trong khoản lãi hoặc lỗ của quỹ đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần chia sẻ của Công ty trong kết quả hoạt động của quỹ đầu tư. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty và quỹ đầu tư được loại trừ tùy thuộc vào mức độ góp vốn vào quỹ đầu tư đó của Công ty.

Các quỹ đầu tư có cùng niên độ lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán áp dụng thống nhất với các chính sách của Công ty đối với các giao dịch hoặc các sự kiện có tính chất giống nhau trong các điều kiện tương đương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

13. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

14. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

17. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

19. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

III. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

III.1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: đồng Việt Nam						
	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Các bộ phận khác	Tổng cộng
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>						
1. Doanh thu trực tiếp	121.165.642.569	1.027.196.704.574	171.335.482.523	44.561.548.222	20.716.637.774	1.384.976.015.662
2. Các chi phí trực tiếp	22.692.614.277	817.141.412.192	105.382.997.545	-	-	945.217.024.014
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	89.966.525.475	26.240.236.597	3.748.605.228	23.241.352.414	18.743.026.142	161.939.745.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	8.506.502.817	183.815.055.785	62.203.879.750	21.320.195.808	1.973.611.632	277.819.245.792
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>						
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	789.911.895.816	3.358.571.232.732	830.972.683.314	398.342.778.327	-	5.377.798.590.189
2. Tài sản bộ phận phân bổ	100.819.477.203	29.405.680.851	4.200.811.550	26.045.031.611	21.004.057.750	181.475.058.965
3. Tài sản không phân bổ						61.604.705.444
Tổng tài sản	890.731.373.019	3.387.976.913.583	835.173.494.864	424.387.809.938	21.004.057.750	5.620.878.354.598
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	721.521.186.886	-	451.988.796.311	506.950.356.078	-	1.680.460.339.275
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	2.718.243.235	792.820.944	113.260.135	702.212.836	566.300.674	4.892.837.824
3. Nợ phải trả không phân bổ						38.621.874.172
Tổng công nợ	724.239.430.121	792.820.944	452.102.056.446	507.652.568.914	566.300.674	1.723.975.051.271

III.2. Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty và công ty con diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

IV.1. Tiền gửi ngân hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	150.412.204.930
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	20.039.191.944	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	4.416.000	4.255.800
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.263.145.310	15.272.454.551
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.395.172.403	6.238.557.116
Ngân hàng Indovina	4.520.921.941	-
Ngân hàng HSBC	4.146.152.196	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	1.047.478.555	-
Ngân hàng ANZ	2.868.171.423	2.631.463.951
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.009.336	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải	-	215.128.508
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	120.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	540.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	140.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)	110.000.000.000	-
Ngân hàng ANZ	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	100.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Indovina - CN Đồng Đa	105.000.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered	80.452.083.333	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Hà Thành (BIDV)	65.000.000.000	-
Ngân hàng VID Public- CN Hải Phòng	60.000.000.000	-
	842.738.742.441	764.774.064.856

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn ngắn từ 7 ngày đến 90 ngày với lãi suất nằm trong khoảng 6,8% đến 10,5%/ năm. Bao gồm trong các khoản tiền gửi này có 45.000.000.000 đồng thuộc nguồn vốn vay theo các hợp đồng ủy thác vốn có lợi tức cố định trong khoảng 7,2% năm cho nhà ủy thác. Các hợp đồng ủy thác vốn này được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI ("SSIAM").

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.2. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	160.354.000.179	376.451.763.625
Ngân hàng Indovina Bank Ltd	75.063.521.673	167.457.176.712
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	150.763.741.325	184.690.304.935
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	75.607.306.955	150.227.021.746
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP Hồ Chí Minh	-	101.345.876.743
Ngân hàng ANZ	141.156.913.003	99.178.516.439
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	53.041.324.604
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	28.924.448.898	52.584.695.834
Ngân hàng Hồng Kông và Thương Hải	10.931.656.382	12.028.566.066
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.262.323.168	31.537.315.777
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	19.109.215.383	11.425.462.577
Ngân hàng VID Public	51.393.835.686	9.599.906.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	3.729.649.313	8.553.012.770
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.287.509	4.050.984.140
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	872.385.064
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	-	14.995.117
Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	841.030.629
Ngân hàng Korea Exchange Bank	3.316.384.099	763.538.927
Ngân hàng Far East National	306.676.844	-
Tổng cộng	724.920.960.417	1.264.663.878.109

IV.3. Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư là các khoản tiền gửi trong khuôn khổ các hợp đồng ủy thác đầu tư được thực hiện và quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI. Chi tiết các khoản tiền gửi này như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	4.950.198.136	58.933.198.399
<i>Theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM</i>	3.034.428.619	211.485.301
<i>Theo các hợp đồng có phí quản lý và phí thưởng cho SSIAM</i>	1.915.769.517	58.721.713.098
Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	50.000.000.000
<i>Theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM</i>	23.000.000.000	-
<i>Theo các hợp đồng có phí quản lý và phí thưởng cho SSIAM</i>	15.000.000.000	50.000.000.000
	42.950.198.136	108.933.198.399

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.3. Tiền gửi của người ủy thác đầu tư (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn của người ủy thác đầu tư được gửi tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM gồm hai hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Nhà Hà Nội. Cả hai hợp đồng đều có thời hạn thu hồi dưới 3 tháng, lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho thời kỳ bắt đầu từ ngày 26 tháng 12 năm 2008 đến ngày 9 tháng 1 năm 2009 là 7,3%/năm.

IV.4. Chứng khoán tự doanh

Chi tiết chứng khoán tự doanh:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	23.525.518.223	63.738.913.438
Cổ phiếu chưa niêm yết	133.869.946.200	151.969.146.156
Trái phiếu các loại	316.386.039.453	227.098.532.604
	473.781.503.876	442.806.592.198

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	5.840.555.556	1.961.115.550
Cổ phiếu chưa niêm yết	19.862.739.328	58.920.000.000
	25.703.294.884	60.881.115.550

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.5. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	60.954.111.946	172.725.400.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	66.650.270.000	44.754.760.000
Trái phiếu các loại	209.949.968.261	38.545.350.000
	337.554.350.207	256.025.510.000

Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

IV.6. Đầu tư ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại Dương	-	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	2.010.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	74.843.750.000	-
	74.843.750.000	2.030.000.000.000

Kỳ phiếu gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long có tổng mệnh giá là 75.000.000.000 đồng, được hưởng chiết khấu 5%/năm, kỳ hạn kéo dài 5 tháng, lãi suất là 17.3%. Khoản mục này nằm trong khuôn khổ hoạt động đầu tư của hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định là 16.8% cho nhà ủy thác đầu tư. Hợp đồng này đang được quản lý tại công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

IV.7. Phải thu của nhà đầu tư

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu	449.774.598	256.066.505
Phí tư vấn còn phải thu	-	14.265.000.000
Phí bảo lãnh phát hành còn phải thu	322.000.000	300.000.000
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.607.060.188	6.136.197.021
Phải thu phí quản lý quỹ	2.671.986.472	4.760.859.232
Phải thu phí quản lý cổ đông	370.000.000	
Phí lưu ký còn phải thu	-	1.601.000.000
Phải thu theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	237.253.934.413	360.567.604.032
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	18.538.344.479	91.027.452.015
Phải thu khác	-	8.446.600

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

265.213.100.150 478.922.625.405

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.7. Phải thu của nhà đầu tư (tiếp theo)

Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán là khoản tiền thanh toán để mua các chứng khoán theo các thỏa thuận mua và cam kết bán lại. Các thỏa thuận này có thời hạn hiệu lực từ 1 đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 0,68%/tháng đến 1,2%/tháng. Bao gồm trong khoản mục này có 47.504.774.413 đồng là được thực hiện trong khuôn khổ các hợp đồng ủy thác đầu tư có lợi tức cố định hoặc hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và chia sẻ lợi nhuận giữa nhà đầu tư và SSIAM.

Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công. Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư sẽ chịu mức phí là 0,044%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

IV.8. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Lãi trái phiếu đô thị TP. HCM	-	72.555.556
Lãi trái phiếu Chính phủ còn phải thu	24.886.679.218	20.819.543.589
Lãi trái phiếu các tổ chức khác còn phải thu	51.826.767.011	38.371.894.854
Cổ tức còn phải thu	-	90.000.000
	76.713.446.229	59.353.993.999

Bao gồm trong khoản lãi trái phiếu Chính phủ và các tổ chức còn phải thu có 9.559.183.323 đồng là khoản lãi trái phiếu phải thu cho hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định 7,6%/năm cho nhà đầu tư và có lợi tức chia sẻ giữa người đầu tư và SSIAM.

IV.9. Ứng trước cho người bán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ	734.061.794	1.947.487.954
Khoản tiền mua quyền cổ phần và cổ phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	-	571.974.543.400
Khoản tiền mua trái phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	-	200.000.000.000
Khoản tiền ứng trước mua phần mềm Oracle	995.517.500	-
Khoản tiền ứng trước mua và lắp đặt thiết bị mặt bằng Phú Mỹ Hưng & chi nhánh Nguyễn Công Trứ	3.219.122.131	46.924.280.000
Các khoản ứng trước cho người bán khác	198.767.942	159.582.400
	5.147.469.367	821.005.893.754

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.10. Phải thu khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Phải thu lãi tiền gửi	5.676.849.981	34.080.861.111
Lãi phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	2.360.618.187	-
Các khoản khác	600.482.502	941.809.014
	8.637.950.670	35.022.670.125

IV.11. Chi phí trả trước

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Giá trị công cụ dụng cụ, các chi phí ngắn hạn còn phải phân bổ	2.683.705.855	1.975.817.170
	2.683.705.855	1.975.817.170

IV.12. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Khoản đặt cọc cho Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để tham gia đấu giá mua cổ phần	-	17.419.978.000
Các khoản đặt cọc khác	398.000.000	1.137.000.000
	398.000.000	18.556.978.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.13. Tài sản cố định

IV.13.1. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	-	33.053.004.058	11.811.176.903	1.556.183.172	46.420.364.133
Tăng trong kỳ					
<i>Mua mới</i>	3.284.500.780	13.207.563.565	-	81.398.520	16.573.462.865
Giảm trong kỳ					
<i>Bán thanh lý</i>	(3.284.500.780)	(769.682.286)	-	(31.400.000)	(4.085.583.066)
<i>Phân loại lại</i>		88.417.095	-	(88.417.095)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	45.579.302.432	11.811.176.903	1.517.764.597	58.908.243.932
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	-	6.419.194.215	2.120.637.856	167.014.201	8.706.846.272
Tăng trong kỳ					
<i>Khấu hao</i>	-	10.299.169.977	1.985.962.927	392.448.080	12.677.580.984
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					
<i>Bán thanh lý</i>	-	(593.131.268)	-	(31.400.000)	(624.531.268)
<i>Phân loại lại</i>	-	78.361.121	-	(78.361.121)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	16.203.594.045	4.106.600.783	449.701.160	20.759.895.988
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	-	26.633.809.843	9.690.539.047	1.389.168.971	37.713.517.861
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	29.375.708.387	7.704.576.120	1.068.063.437	38.148.347.944

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.13.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm VNĐ</i>	<i>Quyền sử dụng đất VNĐ</i>	<i>Tài sản vô hình khác VNĐ</i>	<i>Tổng cộng VNĐ</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	9.036.933.000	64.663.652.800	208.864.000	73.909.449.800
Tăng trong năm				
<i>Mua trong năm</i>	3.262.474.357	68.153.723.400	2.667.402.328	74.083.600.085
Giảm trong năm				
<i>Bán thanh lý</i>	-	(18.335.649.800)	-	(18.335.649.800)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	12.299.407.357	114.481.726.400	2.876.266.328	129.657.400.085
Hao mòn lũy kế :				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.325.237.209	-	109.472.206	1.434.709.415
Tăng trong năm				
<i>Khấu hao</i>	3.424.295.651	-	117.394.218	3.541.689.869
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.749.532.860	-	226.866.424	4.976.399.284
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	7.711.695.791	64.663.652.800	99.391.794	72.474.740.385
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.549.874.497	114.481.726.400	2.649.399.904	124.681.000.801

IV.14. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Trái phiếu	924.267.925.893	964.685.607.325
<i>Niêm yết</i>	726.454.669.449	766.872.350.881
<i>Chưa niêm yết</i>	197.813.256.444	197.813.256.444
Cổ phiếu	1.387.847.373.145	1.471.246.035.434
<i>Niêm yết</i>	803.239.060.875	638.817.969.502
<i>Chưa niêm yết</i>	584.608.312.270	832.428.065.932
	2.312.115.299.038	2.435.931.642.759

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.14. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	179.411.815.106	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	111.079.628.332	-
	290.491.443.438	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

IV.15. Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

<i>Tên đơn vị nhận vốn đầu tư</i>	<i>Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư (VNĐ)</i>	<i>% sở hữu của Công ty</i>	<i>Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)</i>	<i>Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VNĐ)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	485.000.000.000	453.067.080.821
			485.000.000.000	453.067.080.821

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.16. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	<i>% sở hữu của Công ty 2008</i>	<i>% sở hữu của Công ty 2007</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	101.393.900.000	51.505.150.000	9,98%	9,98%
Công ty Thủy điện Hủa Na	9.000.000.000	9.000.000.000	9,00%	9,00%
Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	12,00%	12,00%
Công ty Bất động sản SSI	14.999.990.000	15.000.000.000	14,99%	15,00%
	131.393.890.000	81.505.150.000		

IV.17. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Khoản đặt cọc tiền thuê nhà	6.469.804.132	6.004.744.132
Các khoản khác	27.256.000	15.900.000
	6.497.060.132	6.020.644.132

IV.18. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác của Công ty bao gồm các chi phí dài hạn chưa phân bổ hết vào chi phí tại thời điểm cuối năm. Tình hình phân bổ chi phí dài hạn trong năm được chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Số dư đầu kỳ	10.772.274.357	1.541.085.090
Tăng trong kỳ	2.594.914.608	12.469.192.229
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	6.481.470.940	3.238.002.962
Số dư cuối kỳ	6.885.718.025	10.772.274.357

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.19. Vay ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Các khoản vay theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn	110.000.000.000	2.550.000.000.000
	110.000.000.000	2.550.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn gồm 2 hợp đồng có thời hạn từ 145 ngày và 557 ngày, lãi suất cố định lần lượt là 14% và 16.8%/năm và được quản lý bởi SSIAM.

IV.20. Vay dài hạn đến hạn trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Công ty cổ phần Vĩnh Sơn - Sông Hình	-	100.000.000.000
	-	100.000.000.000

Vay dài hạn đến hạn năm 2007 trả là khoản vay theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn có thời hạn gốc 12 tháng với lãi suất 9,4%/năm.

IV.21. Phải trả người bán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Các khoản bán repo trái phiếu còn phải trả	10.000.000.000	99.000.000.000
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</i>	-	99.000.000.000
<i>Công ty TNHH Finansia Việt Nam</i>	10.000.000.000	
Các khoản khác	2.014.849.236	2.854.078.499
	12.014.849.236	101.854.078.499

IV.22. Người mua ứng trước

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	1.701.314.000	2.423.998.130
Nhận đặt cọc từ Quỹ Tầm nhìn SSI để mua cổ phiếu Hoàng Anh Gia Lai	-	82.500.000.000
Nhận tiền đặt cọc môi giới chứng khoán từ Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	45.000.000.000
Các khách hàng khác	217.463.500	966.516.284
	1.918.777.500	130.890.514.414

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.23. Thuế và các khoản phải trả khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Thuế Giá trị Gia tăng	23.582.189	105.052.660
Thuế Thu nhập Cá nhân	24.636.305.487	14.602.959.483
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	5.383.825.130	75.156.970.643
Thuế khác	1.436.974.912	656.914.740
	31.480.687.718	90.521.897.526

Thuế Giá trị Gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2007 và năm 2008 là 10%.

Theo hướng dẫn của Thông tư 03/2009-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 về việc giảm và gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, SSIAM được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho quý IV năm 2008 do SSIAM đáp ứng tiêu chí của công ty vừa và nhỏ với số lao động sử dụng bình quân trong quý IV không quá 300 người. Thuế thu nhập quý IV được xác định là một phần tư (1/4) tổng số thuế phải nộp trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.23. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	277.819.245.792	961.517.542.371
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(108.041.282.155)	(12.523.752.350)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	(105.424.919.193)	(12.523.752.350)
<i>Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất (theo biểu tính thuế độc lập quy định tại 134/2007/TT-BTC)</i>	(2.616.362.962)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế chịu thuế suất 10% của riêng Công ty	169.777.963.637	948.993.790.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	16.977.796.364	94.899.379.002
Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất	1.481.273.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con	8.843.205.171	2.442.196.130
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	27.302.275.035	97.341.575.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	75.156.970.643	59.694.275.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm trước	122.927.586	590.263.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(97.198.348.134)	(82.469.143.849)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính còn phải nộp cuối năm	5.383.825.130	75.156.970.643

(*): Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm các khoản lợi nhuận trước thuế của công ty con hạch toán độc lập, lợi nhuận từ đơn vị nhận vốn đầu tư đã khấu trừ thuế tại nguồn và thu nhập cổ tức không chịu thuế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.24 Chi phí phải trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Chi phí lãi hợp đồng repo phải trả	73.889.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	3.844.166.668	33.462.672.452
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	49.178.740.643	73.878.020.000
Chi phí phải trả về giao dịch chứng khoán	1.055.765.470	2.588.699.190
Trợ cấp mất việc làm	4.879.087.823	1.018.627.906
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	478.381.895	536.208.080
Các khoản khác	264.352.000	-
	59.774.383.499	111.484.227.628

Chi phí lãi vay phải trả là chi phí phải trả cho các hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định được quản lý bởi SSIAM.

IV.25 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Ligogi 16	-	5.453.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	1.380.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hà Nội	-	2.175.669.000
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải	-	1.677.060.000
Các khách hàng khác	534.991.600	2.027.806.200
	534.991.600	12.713.535.200

IV.26 Phải trả phải nộp khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Doanh thu nhận trước	264.083.331	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	42.560.834	969.122.539
Các khoản khác	5.165.339.096	3.174.580.330
	5.471.983.261	4.143.702.869

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.27 Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Nhà đầu tư của Trụ sở chính	519.526.620.449	937.338.699.675
Nhà đầu tư của Chi nhánh Hà Nội	147.915.961.592	237.854.204.481
Nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	50.741.476.750	61.531.344.015
	718.184.058.791	1.236.724.248.171

IV.28 Nợ dài hạn

Nợ dài hạn phản ánh số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 như được trình bày dưới đây:

<i>Tên Trái phiếu</i>	<i>Ngày bắt đầu</i>	<i>Mệnh giá (VNĐ)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Kỳ hạn (tháng)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tổng giá trị (VNĐ)</i>
SSICB0206	30/11/2006	100.000	1.500.000	26	13,20%	150.000.000.000
	29/08/2007	100.000	166.680	26	13,20%	16.668.000.000
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						388.892.000.000

Tỷ lệ chuyển đổi: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.

Thời gian chuyển đổi: chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các điều kiện khác: các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

IV.29. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	392.447.031.036	403.287.168.399
	392.447.031.036	403.287.168.399

(*): Danh mục đầu tư ủy thác được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.30. Vốn chủ sở hữu

IV.30.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu Ngân quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.199.998.710.000	1.995.777.965.000	-	28.647.186.451	7.847.256.960	824.260.834.258	4.056.531.952.669
Trích bổ sung thuế năm trước	-	-	-	-	-	(122.927.586)	(122.927.586)
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ nguồn cổ phiếu thưởng cho nhân viên thôi việc	-	280.000.000	-	-	-	-	280.000.000
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(88.206.646.731)	-	-	-	(88.206.646.731)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	86.417.596.723	160.000.000.000	(246.417.596.723)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(83.712.263.782)	-	(83.712.263.782)
Lợi nhuận sau thuế 2008	-	-	-	-	-	250.516.970.757	250.516.970.757
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(405.051.782.000)	(405.051.782.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327

(*): Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá 405.051.782.000 (2007: 270.133.342.000 đồng và 2008: 134.918.440.000 đồng Việt Nam)

(**): Quỹ khen thưởng phúc lợi sử dụng trong năm chủ yếu cho mục đích thưởng cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.30.2 Cổ phiếu phổ thông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, số cổ phiếu phổ thông đang niêm yết của Công ty là 136.666.671. Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

IV.31. Các quỹ

	Số đầu năm VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Giảm trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
Quỹ dự trữ	28.647.186.451	86.417.596.723	-	115.064.783.174
<i>Dự trữ pháp định</i>	14.068.441.579	-	-	14.068.441.579
<i>Dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	13.368.592.206	86.417.596.723	-	99.786.188.929
<i>Dự trữ dự phòng tài chính</i>	1.210.152.666	-	-	1.210.152.666
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.847.256.960	160.000.000.000	(83.712.263.782)	84.134.993.178
	36.494.443.411	246.417.596.723	(83.712.263.782)	199.199.776.352

IV.32. Doanh thu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	115.751.810.479	250.374.692.239
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	453.734.142.155	695.396.145.555
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	44.561.548.222	32.621.939.182
Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	8.646.285.660	51.620.852.881
Doanh thu hoạt động tự vấn tài chính	9.456.472.056	23.303.341.001
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.413.832.090	5.480.963.894
Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước	327.409.888.209	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	171.335.482.523	185.320.523.753
Doanh thu cho thuê TS, sử dụng thiết bị, thông tin	282.081.100	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(600.181.818)	(287.197.790)
3. Doanh thu thuần	1.135.991.360.676	1.243.831.260.715

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV.33. Thu lãi đầu tư

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	287.444.444	180.000.000
Lãi trái phiếu chính phủ	57.278.897.634	38.519.741.362
Lãi trái phiếu các tổ chức khác	83.121.084.757	66.955.318.898
Cổ tức	105.365.247.375	2.961.109.995
	246.052.674.210	108.616.170.255

IV.34. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	22.692.614.277	55.615.432.156
Chi phí tự doanh chứng khoán	200.352.846.514	1.202.978.800
Chi phí quản lý danh mục cho người đầu tư	-	34.166.667
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	5.000.000.000
Chi phí tư vấn cho người đầu tư	-	53.912.600
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	582.723.510.981	60.881.115.550
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	105.382.997.545	165.820.477.272
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	161.177.868.623	103.670.253.721
Chi phí nhân viên	76.757.286.565	46.969.815.202
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.409.456.811	1.495.946.193
Chi phí trả trước và công cụ	3.508.001.999	3.598.873.477
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.479.061.863	15.417.858.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.138.377.717	11.581.819.227
Chi phí thuê văn phòng	19.841.955.672	10.658.641.911
Chi phí khác	7.043.727.996	13.947.299.047
	1.072.329.837.940	392.278.336.766

IV.35. Thu nhập và chi phí ngoài hoạt động kinh doanh

	Năm nay (2008) VNĐ	Năm trước (2007) VNĐ
Thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	24.770.114.818	-
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	497.077.333	458.789.183
Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		
Chi phí từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	(22.153.751.856)	-
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	(181.459.519)	(145.647.903)
	2.931.980.776	313.141.280

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 134.133.329 (năm 2007: 103.150.659).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VNĐ)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	492.534.396
		Phải thu tiền bán chứng khoán	165.000.000.000
		Đã thu tiền bán chứng khoán	82.500.000.000
Công ty Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	29.855.380.000
		Tất toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	28.557.320.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	16.668.000.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	3.150.400.456
		Cổ tức thực trả	54.811.610.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Cổ tức thực trả	27.618.750.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VNĐ)</i>	<i>Khoản phải trả (VNĐ)</i>
Công ty Bất động sản SSI (SSI RE)	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư Thực hiện hợp đồng mua bán lại	14.999.990.000 29.855.380.000	- ..
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của công ty tại ngân hàng Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	10.000.000.000 141.156.913.003 -	- 58.892.000.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	-	27.472.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 là 7.535.000.000 đồng.

3. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 VNĐ</i>
Đến 1 năm	16.573.891.500	15.052.390.958
Trên 1 – 5 năm	66.060.144.000	76.118.319.900
Trên 5 năm	32.005.908.000	35.354.474.688

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 17.400 đồng.

4. Các số liệu so sánh

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chỉ tiêu “Lợi nhuận tính thuế” trên Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất năm trước đã được trình bày lại (thể hiện lợi nhuận tính thuế hợp nhất) cho phù hợp với hình thức trình bày của năm hiện tại.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/ Tổng tài sản	%	49,61	33,47
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	50,39	66,53
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	30,67	56,67
<i>Nợ phải trả/ tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,01	1,43
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,01	1,43
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	1,71	0,49
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	21,57	69,45
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%		
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)</i>			
		4,46	9,23
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%		
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)</i>			
		18,33	72,02

6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm

Theo CV số 05/2009/CV-SSIHO của SSI gửi cho SGDCK TP.HCM, công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30/01/2009 và thực hiện trả lãi trong năm 2009 cho 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 và 2.222.240 trái phiếu mã SSICB0306.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0206 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên SGDCK TP.HCM nên SGDCK TP.HCM sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu.

VI. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2009.

Hoàng Thị Minh Thủy
Q. Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngày 15 tháng 3 năm 2009